TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/ 2026/HNGĐ - ST
Ngày: 09/01/2026
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Gia Phượng
Ông Nguyễn Tiến Dũng
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký TAND khu vực 2, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Duy - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14A/2025/QĐXX - ST ngày 04/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 /2025/QĐST- HNGĐ ngày 30/12/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Hán Thị Huyền T, sinh năm 2004
Nơi ĐKHKTT: Khu B, Phường P, tỉnh Phú Thọ (xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ)
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Đức Huy H, sinh năm 2001
Nơi ĐKHKTT: Khu B, Phường P, tỉnh Phú Thọ (xã H, thị xã P, tỉnh Phú Thọ cũ)

(chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn là chị Hán Thị Huyền T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã H, TX P (cũ) ngày 15/02/2024. Sau khi kết hôn, anh H sinh sống và làm việc tại Nhật Bản còn chị T sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Vợ chồng xa cách ít quan tâm chăm sóc lẫn nhau; mâu thuẫn ngày càng tăng, không hạnh phúc. Tháng 11/2024, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, chồng có tính kiểm soát quá mức, thường xuyên dùng lời lẽ xúc phạm. Hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã hoà giải nhưng không hoà giải được. Vợ chồng sống ly thân không có sự chăm sóc nhau. Nay chị T thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án

giải quyết cho anh được ly hôn với anh H.

- *Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp* : Chị T xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Nguyễn Đức Huy H.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng đến anh H. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1982 (mẹ anh H) nhận thay và cam kết giao lại cho anh H. Đồng thời, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Toà án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải đối với anh H nhưng anh H vắng mặt không lý do. Do đó, anh H không có lời khai và Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ không tiến hành hòa giải được vụ án.

Đồng thời Toà án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ :

- *Tại biên bản xác minh ngày 22/11/2025 của Tòa án với UBND phường P thể hiện:* Chị T và anh H đăng ký kết hôn vào tháng 2/2024 tại UBND xã H , thị xã P, tỉnh Phú Thọ (nay là phường P). Sau khi kết hôn anh chị chung sống cùng gia đình anh H tại khu B, xã H (nay là phường P, tỉnh Phú Thọ) được 1 thời gian ngắn thì anh H đi lao động tại Nhật Bản. Do anh chị sống xa nhau thời gian dài nên vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Đầu năm 2025, chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Đối với việc chị T đề nghị xin ly hôn với anh H, chính quyền địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Tại biên bản làm việc ngày 22/11/2025 của Tòa án với bà Đỗ Thị M(mẹ đẻ anh H) , bà M trình bày:*

Sau khi kết hôn, anh H đi lao động tại Nhật Bản, chị T sống cùng gia đình bà M tại khu B, phường P, tỉnh Phú Thọ. Do vợ chồng sống xa nhau nên bất đồng quan điểm. Đến đầu 2025, anh H về Việt Nam nhưng tiếp tục đi làm ăn xa tại TP Hồ Chí Minh nên anh chị ly thân từ đó cho đến nay . Chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Bà M nhận được thông báo và giấy báo do Toà án gửi cho anh H qua đường bưu điện. Bà đã gọi thông báo cho anh H. Quan điểm anh H là đồng ý ly hôn và nhờ bà M thông báo lại với Toà án là anh xin vắng mặt tại toà án do đi làm ăn xa. Anh H nhờ bà M thay anh nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp

hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Huyền T.

Xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Đức Huy H.

- Về con chung: Chị T và anh H không có nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị Hán Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức H. Bị đơn là anh Nguyễn Đức H có đăng ký thường trú tại khu B, phường P, tỉnh Phú Thọ. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Phú Thọ.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng:

- Quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh H không đến Tòa án làm việc ,Tòa án đã nhiều lần xuống địa phương, gia đình để giao các văn bản tố tụng cho anh H. Gia đình, địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng và gia đình cho biết đã thông báo cho anh H, để anh đến Tòa có lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục chung của pháp luật nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn và của gia đình anh H và chính quyền địa phương nơi anh, chị cư trú có thể xác định: chị Hán Thị Huyền T và anh Nguyễn Đức Huy H đăng ký kết hôn ngày 15/02/2024 trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh H tại khu B, phường P được thời gian ngắn thì anh H đi lao động tại Nhật Bản, từ đó cuộc sống vợ chồng xa cách nên có nhiều mâu thuẫn. Đầu năm 2025 anh H về nước nhưng lại tiếp tục đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh, chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Bà Đỗ Thị M (mẹ đẻ anh H) cho biết, gia đình đã thông báo cho anh H về nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án và anh H biết việc chị T xin ly hôn, anh nhờ bà M thông báo lại với Tòa án là anh đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh H sau khi kết hôn gần như không chung sống cùng nhau, vợ chồng đã ly thân thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ; hôn nhân giữa chị T và anh Hoàng L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện của chị T đề nghị ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[3.3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hán Thị Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hán Thị Huyền T ly hôn anh Nguyễn Đức Huy H

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Hán Thị Huyền T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hán Thị Huyền T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai ký thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003497 ngày 14/10/2025 tại thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc, kiểm tra, thanh tra và Thi thành án);
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS khu vực 2;
- UBND Phường Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Hà